

Chi tiết mã HS 4909.00.00

Mã HS	4909.00.00
Mô tả hàng hóa	Bưu thiếp in hoặc bưu ảnh; các loại thiếp in sẵn chứa lời chúc, thông điệp hoặc thông báo, có hoặc không có minh họa, có hoặc không có phong bì kèm theo hoặc phụ kiện trang trí
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	31/10/2026 18:43:25
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/49090000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7777
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7777
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7777
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH, CN)	0% (trừ KH, CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7502
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7455
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7455
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7455
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7455
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7455
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7455
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E7505
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7505
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7505

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7505
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7505
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7505
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7506
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7506
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7506
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7506
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7506
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7506
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7507
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7461
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F7469
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G7469
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H7469
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I7469
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J7469
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K7469
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7491
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7491
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7491
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7491
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7491
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7491
VCFTA	2022	2022	5	VC!D7537
VCFTA	2023	2023	3	VC!E7537
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7537

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7537
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7537
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7537
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7517
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7517
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7517
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7517
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7517
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7517
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D7530
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E7530
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F7530
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G7530
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H7530
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I7530
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D7534
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E7534
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F7534
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G7534
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H7534
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7534
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D7535
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E7535
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F7535
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G7535
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H7535

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7535
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7485
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7485
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7485
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7485
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7485
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7485
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7485
RCEP A	2022	2022	20	RCEPT-A!D7522
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E7522
RCEP A	2024	2024	20	RCEPT-A!F7522
RCEP A	2025	2025	20	RCEPT-A!G7522
RCEP A	2026	2026	20	RCEPT-A!H7522
RCEP A	2027	2027	20	RCEPT-A!I7522
RCEP B	2022	2022	20	B!D7522
RCEP B	2023	2023	20	B!E7522
RCEP B	2024	2024	20	B!F7522
RCEP B	2025	2025	20	B!G7522
RCEP B	2026	2026	20	B!H7522
RCEP B	2027	2027	20	B!I7522
RCEP C	2022	2022	*	C!D7522
RCEP C	2023	2023	*	C!E7522
RCEP C	2024	2024	*	C!F7522
RCEP C	2025	2025	*	C!G7522
RCEP C	2026	2026	*	C!H7522
RCEP C	2027	2027	*	C!I7522

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	20	D!D7522
RCEP D	2023	2023	20	D!E7522
RCEP D	2024	2024	20	D!F7522
RCEP D	2025	2025	20	D!G7522
RCEP D	2026	2026	20	D!H7522
RCEP D	2027	2027	20	D!I7522
RCEP E	2022	2022	20	E!D7525
RCEP E	2023	2023	20	E!E7525
RCEP E	2024	2024	20	E!F7525
RCEP E	2025	2025	20	E!G7525
RCEP E	2026	2026	20	E!H7525
RCEP E	2027	2027	20	E!I7525
RCEP F	2022	2022	20	F!D7522
RCEP F	2023	2023	20	F!E7522
RCEP F	2024	2024	20	F!F7522
RCEP F	2025	2025	20	F!G7522
RCEP F	2026	2026	20	F!H7522
RCEP F	2027	2027	20	F!I7522
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F6954
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G6954
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H6954
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I6954

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 20%, RCEP (Phụ lục B) 20%, RCEP (Phụ lục D) 20%, RCEP (Phụ lục E) 20%, RCEP (Phụ lục F) 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4909.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 4909.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7777), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.